TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI
TỈNH H□NG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2023/HNGĐ -ST
Ngày 13/07/2023
"V/v ly hôn, nuôi con chung "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Bá Hân
Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Chử- Cán bộ nghỉ hưu
Bà Dương Thị Thu Hồng - Chủ tịch Hội phụ nữ xã

-***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Nhớ - Thư ký TAND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
- ***Đại diện VKSND huyện Ân Thi tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hảo - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 07 năm 2023, Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2023/TLST - HNGĐ ngày 12/5/2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXX- HNGĐ ngày 16/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐST-DS ngày 03/7/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1987
Trú tại: AK, BS, AT, Hưng Yên

- Bị đơn: Anh Nhữ Văn T, sinh năm 1985

ĐKHKTT: AK, BS, AT, Hưng Yên

Hiện đang cai nghiện tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Hưng Yên

- Người có QLNV liên quan:

1. Cháu Nhữ Th T, sinh ngày 04/6/2013

2. Cháu Nhữ Ngọc B Tr, sinh ngày 15/5/2016

Người đại diện hợp pháp của các cháu: Chị D – Mẹ đẻ của các cháu
Chị D vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt

NỘI D VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2023 và lời khai của chị D trình bầy chị và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bắc Sơn vào năm 2012, được hai gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán. Sau khi cưới, chị về gia đình anh chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung. Đến năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không

hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, hơn nữa anh T còn nghiện ma túy, không chịu làm ăn, gia đình đã khuyên anh T cai nghiện nhưng không được, dẫn đến kinh tế ngày càng khó khăn, vợ chồng không còn tình cảm nên tháng 10/2022 chị đã làm đơn xin ly hôn anh T, sau đó chị rút đơn để cho anh T thêm cơ hội sửa chữa, nhưng anh T không sửa đổi vì vậy năm 2022 anh T được gia đình đưa vào cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Hưng Yên để cai nghiện. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Có 02 con chung là Nhữ Th T, sinh năm 2013 và Nhữ Ngọc B Tr, sinh năm 2016. Chị nhận nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có

Bà Trần Thị Liên (mẹ đẻ của chị D) trình bày: Anh chị kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bắc Sơn vào năm 2012. Sau khi thành vợ chồng chị D về ngay gia đình chồng chung sống, sau đó anh chị đi Móng Cái làm ăn, khi chị D đẻ con đầu lòng gọi bà ra, bà ra chăm sóc nhưng anh T không có nhà, bà thông gia bảo anh T sang Trung Quốc làm, bà ở lại 10 ngày với chị D, anh T không về, bà biết anh T nghiện ma túy, nói với chị D thì chị D bảo để khuyên anh T thay đổi, khi các cháu về gia đình bà, bà có khuyên anh T, anh T hứa thay đổi, sau đó anh chị gửi con cho bà trông nom để anh chị đi làm. Sau khi chị D sinh con thứ 2, vợ chồng đánh nhau nhưng chị D không dám về nhà bà mà bồng bế con đi Hải Phòng làm ăn. Năm 2020, chị D nhận thấy anh T không thay đổi mặc dù đã vài lần đi cai nghiện nên chị D quyết định ly hôn, mang cả hai con về nhà bà, bà có khuyên suy nghĩ cho kỹ thì chị D rút đơn về, cho anh T thêm cơ hội, khi anh T cai nghiện về đón hai con về bà nội ở, đến năm 2022 anh T lại đi cai nghiện. Nay chị D xin ly hôn anh T, bà mong muốn Tòa giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là Nhữ Th T, sinh năm 2013 và Nhữ Ngọc B Tr, sinh năm 2016.

Về tài sản chung, công nợ: Không có

Bà Nguyễn Thị Thoa (mẹ đẻ của anh T) trình bày: : Anh chị kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bắc Sơn vào năm 2012. Sau khi thành vợ chồng chị D về ngay gia đình chồng chung sống, mọi ăn uống trong gia đình đều do tôi lo. Anh T vướng phải tệ nạn xã hội nhưng bà thấy anh chị vẫn hạnh phúc. Đến năm 2018 gia đình động viên anh T đi cai nghiện tập trung, hết thời hạn về anh T không thay đổi nên gia đình lại tiếp tục cho anh T đi cai nghiện. Năm 2020 chị D có làm đơn xin ly hôn anh T nhưng sau đó lại rút đơn về và đi xuất khẩu lao động, khoảng 2 tháng trước chị D về nước, chị D có ra nhà bà xin lỗi và xin phép được đi lại để thăm nom con, bà cũng cho các cháu qua lại giữa hai gia đình. Chị D xin ly hôn anh T, việc anh chị có chung sống với nhau hay không là quyền của anh chị, tuy nhiên chị D kiên quyết ly hôn thì bà cũng đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung là Nhữ Th T, sinh năm 2013 và Nhữ Ngọc B Tr, sinh năm 2016. Hiện nay các cháu đang ở với bà. Bà muốn được nuôi các cháu

Về tài sản chung, công nợ: Không có

Tại biên bản xác minh với UBND xã Bắc Sơn: Anh T, chị D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bắc Sơn vào năm 2012. Quá trình chung sống có mâu thuẫn hay không UBND xã không nắm được. Anh T là đối tượng nghiện ma túy thường xuyên cai nghiện tập trung tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Hưng Yên và hiện nay anh T vẫn cai nghiện tại đây. Năm 2020, chị D đã làm đơn xin ly hôn anh T nhưng lại rút đơn.

Về con chung: Anh T, chị D có 02 con chung là Nhữ Th T, sinh năm 2013 và Nhữ Ngọc B Tr, sinh năm 2016.

Về tài sản chung, công nợ: Không nắm được

Tại phiên tòa ngày 03/7/2023: Anh T vắng mặt lần thứ nhất không có lý do căn cứ khoản 1 điều 227 của BLTTDS, HĐXX hoãn phiên tòa

Tại phiên tòa ngày 13/7/2023: Chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Còn anh T vắng mặt không có lý do căn cứ khoản 1 điều 227 của BLTTDS, Điều 228, điều 238, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

**** Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa:***

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

- Trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán, thư ký chấp hành đúng quy định tại điều 48; 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án: Nguyên đơn, người có QLNV liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại điều 70, 71, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại 70, 72 BLTTDS.

+ Về đường lối giải quyết:

- Căn cứ vào các tình tiết, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 điều 227, khoản 1, 3 điều 228, điều 238 BLTTDS; Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị D. Xử cho chị D được ly hôn anh T

- Về con chung: Giao 02 con chung là Nhữ Th T, sinh năm 2013 và Nhữ Ngọc B Tr, sinh năm 2016 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu đến tuổi thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị D. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung.

+ Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Chị D phải chịu án phí DSST theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh T, chị D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bắc Sơn, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên vào ngày 07/12/2012. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh T, chị D là hợp pháp. Nay chị D có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Anh T có hộ khẩu thường trú tại AK, BS, AT và hiện đang cai nghiện tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Hưng Yên; địa chỉ: xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Chị D xác định năm 2017 vợ chồng mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T không chịu làm ăn, lại nghiện ma túy dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Vì vậy, năm 2020 chị D đã làm đơn xin ly hôn anh T nhưng chị D lại rút đơn để vợ chồng cho nhau cơ hội thể hiện tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18/11/2020, sau khi rút đơn về chị D, anh T vẫn không chung sống với nhau. Về phía anh T, Tòa án nhân dân huyện Ân Thi đã tiến hành lấy lời khai, triệu tập hợp lệ anh T để tiến hành phân tích hòa giải để anh chị về đoàn tụ. Tuy nhiên, anh T đều từ chối. Còn chị D trong suốt quá trình giải quyết chị vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh T vì chị xác định hôn nhân của anh chị không còn hạnh phúc, anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Từ phân tích trên, HĐXX thấy hôn nhân giữa anh T, chị D đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T, chị D không còn thương yêu, quý trọng nhau nữa, hơn nữa anh T, chị D đã có thời gian dài sống ly thân nhau mà không có biện pháp gì để về ở với nhau vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D là phù hợp với pháp luật và thực tế vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh T, chị D có 02 con chung là Nhữ Th T, sinh năm 2013 và Nhữ Ngọc B Tr, sinh năm 2016. Nay ly hôn, chị D có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung vì hiện nay anh T đang cai nghiện tập trung tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy, còn về phía anh T, Tòa án tiến hành lấy lời khai của anh T nhưng anh T từ chối khai nên trong hồ sơ không thể hiện nguyện vọng của anh Tn. Xét nguyện vọng của chị D thể hiện trách nhiệm của người làm mẹ, bà Thoa (mẹ đẻ của anh T) cũng mong muốn được nuôi hai cháu, theo quy định tại Điều 69 Luật Hôn nhân và gia đình

quy định: "Cha mẹ có trách nhiệm, nghĩa vụ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên", vì vậy việc chăm sóc, nuôi dưỡng con là trách nhiệm của bố mẹ, xét điều kiện của chị D mặc dù chị chưa đi làm vì chị vừa đi xuất khẩu lao động về nước, muốn ổn định cuộc sống mới xin việc, hơn nữa chị đang ở với bố mẹ đẻ, bố mẹ con trẻ, các cháu lại là con gái rất cần sự bảo ban, chăm sóc của người mẹ, anh T đang cai nghiện nên không có điều kiện để chăm sóc các cháu, nguyện vọng của chị D phù hợp với nguyện vọng của các cháu, phù hợp với pháp luật nên để đảm bảo phát triển mọi mặt cho con chung, HĐXX giao cả hai con chung cho chị D nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên

Về cấp dưỡng: Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị D là tự nguyện nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh T, chị D không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, 56, điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Nhữ Văn T

2- Về con chung: Giao hai con chung là Nhữ Th T, sinh ngày 04/6/2013 và Nhữ Ngọc B Tr, sinh ngày 15/5/2016 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị D. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

4 - Về án phí : Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0003146 ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Chị D đã nộp đủ.

5- Quyền kháng cáo: Anh T, chị D có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận: **T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

-Phòng GĐKT và THA tỉnh;
-VKSND + THADS huyện;
-Đương sự;
-UBND xã Bắc Sơn, Ân Thi, Hưng Yên;
-Lưu HS

Phạm Bá Hân